

**HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN QUY ĐỔI ĐIỂM CHO CHƯƠNG TRÌNH HỌC CÙNG DOANH NGHIỆP  
NĂM HỌC 2024 - 2025**

**I. Nguyên tắc quy đổi**

**1. Đối với sinh viên tham gia Chương trình học cùng doanh nghiệp**

- Sinh viên không đăng ký tín chỉ các học phần muốn quy đổi điểm. Khoa sẽ thông báo form đăng ký vào tháng 10/2024 để sinh viên đăng ký danh sách các học phần quy muốn quy đổi điểm với Khoa. Sau đó Khoa sẽ đăng ký tín chỉ cho sinh viên.

- Sinh viên được chọn tối đa 03 học phần (trong đó có tối đa 1 học phần bắt buộc) để đăng ký quy đổi điểm
- Điểm quy đổi được tính từ kết quả học tập/đánh giá của doanh nghiệp đối với sinh viên trong giai đoạn I (3 tháng đầu)
- Học phần Thực tập được tự động đăng ký khi sinh viên chuyển sang giai đoạn II của chương trình Học cùng doanh nghiệp
- Điểm quy đổi cho học phần Thực tập là đánh giá của doanh nghiệp đối với sinh viên trong giai đoạn II (3 tháng sau)
- Sinh viên phải nộp báo cáo thực tập và form đánh giá thực tập theo mẫu của Khoa CNTT có xác nhận (chữ ký + dấu) của doanh nghiệp
- Sinh viên phải hoàn thành nghĩa vụ học phí cho các học phần đã đăng ký quy đổi (tính cả học phần Thực tập)

**2. Đối với sinh viên thực tập Trợ giảng tại Khoa CNTT**

- Công việc thực tập Trợ giảng tại Khoa CNTT không phải là công việc fulltime, do đó sinh viên cần tham gia đủ 2 học kỳ (khoảng 10 tháng)

- Sinh viên không đăng ký tín chỉ các học phần muốn quy đổi điểm. Khoa sẽ thông báo form đăng ký vào tháng 10/2024 để sinh viên đăng ký danh sách các học phần quy muốn quy đổi điểm với Khoa. Sau đó Khoa sẽ đăng ký tín chỉ cho sinh viên.

- Sinh viên được chọn tối đa 03 học phần (trong đó có tối đa 1 học phần bắt buộc) để đăng ký quy đổi điểm
- Điểm quy đổi được tính từ kết quả đánh giá của giảng viên hướng dẫn đối với sinh viên trong học kỳ I năm học 2024 - 2025
- Học phần Thực tập được tự động đăng ký vào học kỳ II năm học 2024 - 2025
- Điểm quy đổi cho học phần Thực tập là đánh giá của giảng viên hướng dẫn đối với sinh viên trong học kỳ II năm học 2024 - 2025
- Sinh viên phải nộp báo cáo thực tập và form đánh giá thực tập theo mẫu của Khoa CNTT có xác nhận (chữ ký + dấu) của doanh nghiệp
- Sinh viên phải hoàn thành nghĩa vụ học phí cho các học phần đã đăng ký quy đổi (tính cả học phần Thực tập)

**II. Danh sách học phần**

**1. Dành cho sinh viên học CTĐT CNTT Tiêu chuẩn**

- Sinh viên được đăng ký quy đổi điểm cho tối đa 03 học phần (trong đó có tối đa 1 học phần bắt buộc) trong danh sách sau

STT	Mã học phần	Tên học phần	Loại học phần	Ghi chú
<b>ĐỊNH HƯỚNG CÔNG NGHỆ PHẦN MỀM</b>				
1	61FIT4SPM	Quản lý dự án phần mềm - Software Project Management	Bắt buộc	
2	61FIT3MPR	Lập trình di động – Mobile Programming	Tự chọn	
3	61FIT3JSD	Phát triển phần mềm Java – Java Software Development	Tự chọn	
4	61FIT3REQ	Phân tích yêu cầu phần mềm – Software Requirement Analysis	Tự chọn	
5	61FIT3MUL	Đa phương tiện – Multimedia	Tự chọn	
6	61FIT3NPR	Lập trình mạng – Network Programming	Tự chọn	
7	61FIT4IPR	Xử lý ảnh và nhận dạng – Image Processing and Recognition	Tự chọn	Thay thế khóa luận tốt nghiệp. Sinh viên không thực hiện khóa luận tốt nghiệp phải đăng ký học 2 học phần thay thế.
8	61FIT4MLA	Học máy và ứng dụng – Machine Learning and Application	Tự chọn	
9	61FIT4ATI	Những chủ đề mới trong ngành CNTT – Advance Topics in Information Technology	Tự chọn	
<b>ĐỊNH HƯỚNG HỆ THỐNG THÔNG TIN</b>				
1	61FIT4EIS	Hệ thống thông tin doanh nghiệp – Enterprise Information System	Bắt buộc	
2	61FIT3DSY	Hệ thống phân tán – Distributed System	Tự chọn	
3	61FIT3JSD	Phát triển phần mềm Java – Java Software Development	Tự chọn	
4	61FIT3REQ	Phân tích yêu cầu phần mềm – Software Requirement Analysis	Tự chọn	
5	61FIT3WPR	Lập trình Web – Web Programming	Tự chọn	

6	61FIT3NAD	Quản trị mạng – Network Administration	Tự chọn	
7	61FIT4IPR	Xử lý ảnh và nhận dạng – Image Processing and Recognition	Tự chọn	Thay thế khóa luận tốt nghiệp. Sinh viên không thực hiện khóa luận tốt nghiệp phải đăng ký học 2 học phần thay thế.
8	61FIT4MLA	Học máy và ứng dụng – Machine Learning and Application	Tự chọn	
9	61FIT4ATI	Những chủ đề mới trong ngành CNTT – Advance Topics in Information Technology	Tự chọn	
<b>ĐỊNH HƯỚNG MẠNG MÁY TÍNH VÀ TRUYỀN THÔNG</b>				
1	61FIT4WNA	Wireless Network and Application – Mạng không dây và ứng dụng	Bắt buộc	
2	61FIT3DSY	Hệ thống phân tán – Distributed System	Tự chọn	
3	61FIT3MUL	Đa phương tiện – Multimedia	Tự chọn	
4	61FIT3REQ	Phân tích yêu cầu phần mềm – Software Requirement Analysis	Tự chọn	
5	61FIT3WPR	Lập trình Web – Web Programming	Tự chọn	
6	61FIT4EIS	Hệ thống thông tin doanh nghiệp – Enterprise Information System	Tự chọn	
7	61FIT4IPR	Xử lý ảnh và nhận dạng – Image Processing and Recognition	Tự chọn	Thay thế khóa luận tốt nghiệp. Sinh viên không thực hiện khóa luận tốt nghiệp phải đăng ký học 2 học phần thay thế.
8	61FIT4MLA	Học máy và ứng dụng – Machine Learning and Application	Tự chọn	
9	61FIT4ATI	Những chủ đề mới trong ngành CNTT – Advance Topics in Information Technology	Tự chọn	

## 2. Dành cho sinh viên học CTĐT CNTT CLC

- Sinh viên được đăng ký quy đổi điểm cho tối đa 3 học phần tự chọn trong danh sách sau

1	62FIT4EIS	Hệ thống thông tin doanh nghiệp – Enterprise Information System	Tự chọn	
2	62FIT4NAD	Quản trị Mạng - Network Administration	Tự chọn	
3	61FIT4JSD	Phát triển phần mềm Java – Java Software Development	Tự chọn	
4	62FIT4EBU	Kinh doanh điện tử – E-Business	Tự chọn	
5	62FIT4IPR	Xử lý ảnh và nhận dạng – Image Processing and Recognition	Tự chọn	Thay thế khóa luận tốt nghiệp. Sinh viên không thực hiện khóa luận tốt nghiệp phải đăng ký học 2 học phần thay thế.
6	62FIT4MLA	Học máy và ứng dụng – Machine Learning and Application	Tự chọn	
7	62FIT4ATI	Những chủ đề mới trong ngành CNTT – Advance Topics in Information Technology	Tự chọn	